

Số: 283/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Phạm Thanh P, sinh ngày 06/8/1970; Số căn cước công dân: 079070002612;

Địa chỉ: Số D Tỉnh lộ 8, ấp E, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 06/11/1972; Số căn cước công dân: 079172004650;

Địa chỉ: Số D Tỉnh lộ 8, ấp E, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T.

Kể từ ngày 31/7/2025, Giấy chứng nhận kết hôn số 341, Quyền số 02/1997 ngày 22/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Thị Bích T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Ông P và bà T có 02 (hai) con chung tên Phạm Thị Bích T1, sinh ngày 23/9/1993 và Phạm Thu H, sinh ngày 31/8/1997. Cả 02 (hai) con chung đã trưởng thành.

-Về tài sản chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận tài sản chung.

-Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông P và bà T mỗi người phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004120 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 8 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã C, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Định